

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 287/2024/KDTM-ST

Ngày: 26/9/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Châu

Bà Lê Thị Nhanh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Hân – Thư ký
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa: Ông Trần Hồng Long - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 107/2023/TLST-KDTM ngày 02/10/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4287/2024/QĐ-ST ngày 31 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 12304/2024/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH NP; Địa chỉ: 2-1-2 K, K1, Thành phố Osaka, Nhật Bản.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Nhật M – Bà Huỳnh Ngọc Uyên C – Cùng địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà HS, số 7-9-11 đường M, phường M1, Quận M2, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần Ngọc T – Luật sư của Công ty Luật TNHH B VIETNAM thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Công ty Cổ phần Tập đoàn Tài chính ĐN; Địa chỉ: Số 3 Đường C1, Phường C, quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Đặng Hồng N – Địa chỉ

thường trú: Thôn A, xã M, huyện M1, tỉnh Bình Định – Địa chỉ liên lạc: Số 151/105 Liên khu 4-5, phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Công ty TNHH NP trình bày như sau:

Công ty TNHH NP (gọi tắt là Công ty NP) là một công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200-02-059840 và Mã số thuế số 912000205xxxx do Cục Tư pháp, Cơ quan thuế Quốc gia cấp, do ông K làm người đại diện theo pháp luật, có địa chỉ trụ sở tại 2-1-2 K, K1, Thành phố Osaka, Nhật Bản.

Công ty DN là một công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 031473xxxxdo Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 13/11/2017, có địa chỉ trụ sở chính tại Số 3 Đường C1, Phường C, quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, người đại diện theo pháp luật là ông Đặng Hồng N.

Công ty TNHH SVA, một công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 031612xxxx do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22/01/2020, sửa đổi lần thứ nhất vào ngày 03/3/2020, có địa chỉ trụ sở chính tại Số 18/đường D, Phường D1, Quận D2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, có người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Thanh T, chức danh Giám đốc (“Công ty SVA”).

Vào tháng 10/2020, thông qua sự giới thiệu của Công ty SVA, Công ty NP đã tiến hành trao đổi, đàm phán với Công ty DN về việc ký kết hợp đồng mua bán găng tay do Công ty DN sản xuất.

Vào ngày 27/11/2020, Công ty NP và Công ty DN đã ký kết Hợp đồng mua bán găng tay nitrile không bột (tên tiếng Anh là Nitrile Free Powder Glove Trading Contract) số 14102020/HDMBGT/VINA/DN (“Hợp Đồng Mua Bán”) với một số nội dung chính như sau: Hàng hoá được các bên mua bán: găng tay làm bằng 100% cao su tổng hợp, Nhãn hiệu: Vina glove, Số lượng: 6.400 thùng, mỗi thùng có 10 hộp, mỗi hộp có 100 cặp găng tay (hoặc 4kg-4,5kg), Đơn giá: 75 Đô la Mỹ/ thùng (1000 cái); Công ty DN sẽ giao hàng tại Cảng Cát Lái hoặc Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Công ty NP thanh toán khoản đặt cọc 50% giá trị Hợp Đồng Mua Bán; Tổng giá trị của Hợp Đồng Mua Bán là 480.000 Đô la Mỹ, tương đương 11.755.200.000 đồng Việt Nam; trong đó, Công ty NP phải thanh toán khoản đặt cọc 50% giá trị của Hợp Đồng Mua Bán (tương đương 240.000 Đô la Mỹ) cho Công ty DN trước năm 2020 bằng phương thức chuyển khoản. 50% giá trị còn lại của Hợp Đồng Mua Bán được thanh toán sau khi Công ty DN hoàn thành việc kiểm tra chất lượng sản phẩm và có báo cáo kiểm tra chất

lượng của tổ chức chứng nhận kiểm định chất lượng quốc tế SGS/TUV.

Vào ngày 27/11/2020, Công ty ĐN đã phát hành Hoá đơn số 27112020 để yêu cầu Công ty NP thanh toán khoản đặt cọc 50% giá trị của Hợp Đồng Mua Bán (tương đương 240.000 Đô la Mỹ).

Vào ngày 02/12/2020, Công ty NP đã chuyển khoản 240.000 Đô la Mỹ vào tài khoản ngân hàng của Công ty ĐN theo Hoá đơn số 27112020.

Theo quy định tại Điều 03 của Hợp Đồng Mua Bán, Công ty ĐN phải tiến hành giao hàng cho Công ty NP trong vòng 15 ngày kể từ ngày 02/12/2020, tức là phải giao hàng chậm nhất vào ngày 17/12/2020.

Vào ngày 07/12/2020, viện dẫn lý do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và nguyên liệu khan hiếm, Công ty ĐN đã gửi thông báo cho Công ty NP đề nghị thay đổi ngày giao hàng sang ngày 31/12/2020. Tuy nhiên, Công ty ĐN vẫn không giao hàng cho Công ty NP vào ngày 31/12/2020 như đã cam kết. Đến ngày 31/12/2020, viện dẫn lý do thời tiết ảnh hưởng khiến cao su đông cứng, việc sản xuất không thể tiếp tục, Công ty ĐN tiếp tục hứa hẹn sẽ giao hàng vào ngày 07/01/2021.

Vào ngày 05/01/2021, Công ty ĐN xác nhận đã sản xuất được 30% đơn hàng, cam kết sẽ giao hàng hoá cho Công ty NP vào ngày 15/01/2021, đồng thời Công ty ĐN phát hành Hoá đơn số 05012021 để yêu cầu Công ty NP thanh toán 50% giá trị còn lại của Hợp Đồng Mua Bán trước khi Công ty ĐN giao hàng.

Cùng ngày 05/01/2021, Công ty ĐN yêu cầu Công ty NP đặt tàu vận chuyển hàng hoá và đặt lịch dịch vụ kiểm tra chất lượng hàng hoá trước khi giao cho hãng tàu vận chuyển thông qua Công ty SVN Trách nhiệm hữu hạn, một công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 010011xxxx do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 25/5/2007, sửa đổi lần thứ 14 vào ngày 05/4/2021, có địa chỉ trụ sở chính tại Số 198 Đường K, Phường K1, Quận K2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, có ông D là người đại diện theo pháp luật ("Công ty SGS").

Vào ngày 08/01/2021, Công ty NP đã chuyển khoản 50% giá trị còn lại của Hợp Đồng Mua Bán, tương đương 240.000 Đô la Mỹ vào tài khoản ngân hàng của Công ty ĐN theo Hoá đơn số 05012021.

Cùng ngày 08/01/2021, Công ty NP đã hoàn tất việc đặt lịch kiểm tra chất lượng hàng hoá với Công ty SGS và thông báo cho Công ty ĐN. Công ty ĐN và Công ty NP thống nhất Công ty SGS sẽ tiến hành kiểm tra hàng hoá để chuẩn bị cho việc xuất khẩu hàng hoá vào 14 giờ chiều ngày 15/01/2021 tại cơ sở sản xuất của Công ty ĐN có địa chỉ tại Ấp 1, xã H, huyện H1, tỉnh H2.

Từ ngày 08/01/2021 đến ngày 14/01/2021, Công ty NP liên tục đốc thúc, theo dõi và đề nghị Công ty ĐN cập nhật về tình hình sản xuất hàng hoá. Vào ngày 12/01/2021, Công ty ĐN khẳng định đã hoàn thành được 60% đơn hàng cho Công ty NP.

Vào ngày 15/01/2021, đại diện từ Công ty SVA và Công ty SGS đã đến cơ sở sản xuất của Công ty ĐN để tiến hành quy trình kiểm tra chất lượng hàng hoá. Tuy nhiên, không có đại diện nào bên phía Công ty ĐN đến hợp tác cùng Công ty SVA và Công ty SGS để tiến hành công việc. Do đó, Công ty SVA đã phải thanh toán toàn bộ chi phí phát sinh cho Công ty SGS là 1.366,75 Đô la Mỹ tương đương 33.471.708 đồng Việt Nam (“Tiền Phí Kiểm Định”) dù không thực hiện được việc kiểm tra hàng hoá trên thực tế.

Vào ngày 25/01/2021, để giải quyết vấn đề phát sinh từ Hợp Đồng Mua Bán với Công ty ĐN, Công ty NP đã lập Giấy uỷ quyền cho Công ty SVA (Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy) để đại diện Công ty NP thực hiện các công việc sau: (1) Đến thăm nhà máy sản xuất gang tay VG của Công ty ĐN và kiểm tra số lượng, chất lượng gang tay mà Công ty ĐN đã sản xuất cho đơn đặt hàng của Công ty NP; (2) Quyết định và ký các văn bản liên quan đến lô hàng mà Công ty NP đã đặt.

Vào ngày 09/02/2021, Công ty ĐN đã gửi công văn đến Công ty NP để thông báo về việc Công ty ĐN quyết định huỷ bỏ Hợp Đồng Mua Bán. Lý do vì giá của sản phẩm gang tay tăng cao và thời tiết ảnh hưởng đến quá trình sản xuất, dẫn đến việc Công ty ĐN không thể giao hàng đúng thời hạn. Đồng thời, Công ty ĐN cam kết hoàn trả lại số tiền 480.000 Đô la Mỹ mà Công ty NP đã thanh toán cho Công ty ĐN (“Khoản Nợ Gốc”) trong vòng 30 ngày kể từ ngày 23/02/2021.

Vào ngày 23/02/2021, Công ty ĐN tiếp tục gửi công văn đến Công ty NP để xác nhận rằng Công ty ĐN sẽ hoàn trả lại Khoản Nợ Gốc cho Công ty NP theo hai đợt:

Đợt 1: Hoàn trả số tiền 240.000 Đô la Mỹ vào ngày 23/3/2021; và

Đợt 2: Hoàn trả số tiền 240.000 Đô la Mỹ còn lại vào ngày 23/4/2021.

Vào ngày 24/02/2021, để giải quyết vấn đề phát sinh từ Hợp Đồng Mua Bán với Công ty ĐN, được sự uỷ quyền của Công ty NP, Công ty SVA đã gửi công văn đến Công ty ĐN nêu rõ những nội dung như sau:

Không đồng ý với đề xuất hoàn trả Khoản Nợ Gốc của Công ty ĐN nêu tại Công văn đề ngày 23/02/2021.

Yêu cầu Công ty ĐN hoàn trả 50% Khoản Nợ Gốc vào ngày 05/3/2021 và 50% còn lại phải được hoàn trả từ ngày 20/3/2021 đến ngày 25/3/2021.

Yêu cầu Công ty ĐN thanh toán khoản tiền bồi thường 13%/ năm theo lãi suất tiền gửi ngân hàng của tháng 01/2021 và tháng 02/2021.

Yêu cầu Công ty ĐN hoàn trả Tiền Phí Kiểm Định mà Công ty NP đã thanh toán cho Công ty SGS là 1.366,75 Đô la Mỹ, tương đương 32.692.660 đồng Việt Nam.

Vào ngày 05/03/2021, sau khi Công ty ĐN không thực hiện việc thanh toán theo thông báo mà họ đã gửi cho Công ty NP vào ngày 09/02/2021 cũng

nhu yêu cầu của Công ty NP gửi đến Công ty ĐN tại Công văn yêu cầu thanh toán đề ngày 24/02/2021, Công ty NP đã tiếp tục gửi Công văn đề nghị thanh toán đề ngày 05/03/2021 đến Công ty ĐN để yêu cầu Công ty ĐN hoàn trả Khoản Nợ Gốc, Tiền Phí Kiểm Định và tiền lãi phát sinh cho việc chậm trả. Theo đó, Công ty NP đã gia hạn để Công ty ĐN hoàn trả 50% Khoản Nợ Gốc vào ngày 10/3/2021 và hoàn trả 50% còn lại của Khoản Nợ Gốc từ ngày 20/3/2021 đến ngày 25/3/2021.

Vào ngày 23/3/2021, tại trụ sở của Công ty ĐN, Công ty NP và Công ty ĐN đã ký kết Văn bản huỷ bỏ Hợp Đồng Mua Bán (“Văn Bản Huỷ Bỏ”). Theo đó, hai bên thoả thuận các nội dung sau:

- Hai bên đồng ý huỷ bỏ Hợp Đồng Mua Bán vì lý do Công ty ĐN không giao hàng cho Công ty NP theo cam kết;
- Công ty ĐN phải hoàn trả toàn bộ Khoản Nợ Gốc trong vòng 48 giờ làm việc kể từ ngày ký kết Văn Bản Huỷ Bỏ;
- Công ty ĐN cam kết hoàn trả lại Tiền Phí Kiểm Định mà Công ty NP đã thanh toán cho Công ty SGS.

Từ ngày 23/3/2021 cho đến nay, Công ty ĐN vẫn không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty NP theo các cam kết trong các văn bản nêu trên.

Vào ngày 23/4/2021, Công ty ĐN gửi công văn đến Công ty NP để đề nghị khôi phục lại Hợp Đồng Mua Bán với thời hạn giao hàng mới, đồng thời mời Công ty NP ghé tham quan nhà máy của Công ty ĐN vào đầu tháng 5/2021. Tuy nhiên, Công ty NP đã từ chối đề nghị khôi phục lại Hợp Đồng Mua Bán và yêu cầu Công ty ĐN phải hoàn trả các khoản tiền như đã cam kết tại các văn bản nêu trên.

Vào ngày 15/01/2022, đại diện của Công ty NP là Bà Lê Thị Ngọc T đã có buổi làm việc với Công ty ĐN để giải quyết việc hoàn trả các khoản tiền cho Công ty NP. Tuy nhiên, Công ty ĐN thông báo rằng số tiền 480.000 Đô la Mỹ mà Công ty NP thanh toán cho họ đã được đầu tư vào nhà máy, dây chuyền sản xuất mì gói của Công ty ĐN, do đó Công ty ĐN tiếp tục xin hện lại lịch thanh toán.

Sau thời điểm này, Công ty NP không thể liên hệ được với Công ty ĐN để giải quyết vấn đề liên quan đến việc Công ty ĐN hoàn trả các khoản tiền như đã cam kết tại các văn bản nêu trên.

Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty NP vẫn chưa nhận được bất kỳ khoản thanh toán nào từ Công ty ĐN. Việc Công ty ĐN trốn tránh nghĩa vụ hoàn trả tiền, không hợp tác và cố tình mất liên lạc đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty NP.

Công ty NP yêu cầu: buộc Công ty ĐN thanh toán một lần cho Công ty NP số tiền là 16.016.444.658 đồng Việt Nam, bao gồm:

- Khoản tiền nợ gốc theo Hợp Đồng Mua Bán là 480.000 Đô la Mỹ

tương đương 11.755.200.000 đồng Việt Nam;

- Phí kiểm định chất lượng hàng hoá là 1.366,75 Đô la Mỹ tương đương 33.471.708 Việt Nam; và

- Tiền lãi do chậm thanh toán hai khoản nợ nêu trên là 4.227.772.950 đồng Việt Nam tạm tính từ ngày có hành vi vi phạm (ngày 31/3/2021) đến ngày của Đơn khởi kiện (ngày 07/11/2023) và tiếp tục giữ nguyên quyền bảo lưu yêu cầu thanh toán lại cho đến ngày xét xử.

Ngày 26/9/2024, Công ty NP có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể đối với yêu cầu Công ty ĐN thanh toán phí kiểm định chất lượng hàng hoá là 1.366,75 Đô la Mỹ.

Công ty ĐN vắng mặt trong quá trình tố tụng và không gửi văn bản nêu ý kiến.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng quy định.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với tài liệu chứng cứ trong vụ án nên có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền gốc 480.000 USD đồng và lãi do chậm thanh toán. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH NP (sau đây gọi là nguyên đơn) khởi kiện Công ty Cổ phần Tập đoàn Tài chính ĐN (sau đây gọi là bị đơn) yêu cầu hoàn trả số tiền ứng trước trong hợp đồng mua bán, đây là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại. Nguyên đơn là pháp nhân có quốc tịch và trụ sở tại Nhật Bản, bị đơn là pháp nhân Việt Nam có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh, nên tranh chấp có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự,

[2] Về áp dụng pháp luật: Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa một bên là pháp nhân có Quốc tịch Nhật Bản và một bên là pháp nhân có quốc tịch Việt Nam. Nên là quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài được quy định tại khoản 2 Điều 663 Bộ luật Dân sự 2015. Việc xác định pháp luật áp dụng đối với quan hệ

dân sự có yếu tố nước ngoài theo quy định tại Điều 664 Bộ luật Dân sự 2015 như sau:

“1. Pháp luật áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài được xác định theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc luật Việt Nam.

2. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc luật Việt Nam có quy định các bên có quyền lựa chọn thì pháp luật áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài được xác định theo lựa chọn của các bên.

3. Trường hợp không xác định được pháp luật áp dụng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì pháp luật áp dụng là pháp luật của nước có mối liên hệ gần bó nhất với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài đó.”

Tại thời điểm các bên giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa thì Việt Nam chưa là thành viên của bất kỳ công ước nào về mua bán hàng hóa quốc tế nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 664 Bộ luật Dân sự 2015, Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật Việt Nam là nơi phát sinh tranh chấp để giải quyết tranh chấp của các bên. Cụ thể là áp dụng Luật Thương mại 2005 (Luật Thương mại) để giải quyết tranh chấp.

[3] Về xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Công ty TNHH NP tham gia tố tụng là nguyên đơn, do ông Ngô Nhật M và bà Huỳnh Ngọc Uyên C là người đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền ngày 07/11/2023);

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tài chính ĐN tham gia tố tụng là bị đơn, do ông Đặng Hồng Nam là người đại diện theo pháp luật;

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn xác định Công ty TNHH SVA là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên trong quá trình tố tụng, nguyên đơn đề nghị Tòa án không đưa Công ty TNHH SVA vào tham gia tố tụng. Đồng thời xét thấy việc giải quyết vụ án trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của Công ty TNHH SVA nên không cần thiết phải đưa vào tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Về thủ tục tổng đạt đối với bị đơn:

[5] Theo đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Giấy chứng nhận danh ký doanh nghiệp do Tòa án thu thập thì Công ty Cổ phần Tập đoàn Tài chính ĐN có trụ sở tại Số 3 Đường C1, Phường C, quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh, có người đại diện theo pháp luật là ông Đặng Hồng Nam địa chỉ thường trú tại Thôn A, xã M, huyện M1, tỉnh Bình Định và Địa chỉ liên lạc: Số 151/105 Liên khu 4-5, phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh

[6] Tại các biên bản về việc không thực hiện được việc giao văn bản và các biên bản niêm yết công khai tại địa chỉ số 151/105 Liên khu 4-5, phường B,

quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh do Văn phòng Thừa phát lại Quận 1 lập ngày 29/01/2024, ngày 20/03/2024, ngày 06/7/2024, ngày 09/8/2024, ngày 06/9/2024 đều thể hiện “*Ông N vắng mặt, không rõ thời gian trở về, không có người nhận thay văn bản theo quy định*”.

[7] Tại các biên bản về việc không thực hiện được việc giao văn bản và các biên bản niêm yết công khai tại địa chỉ Số 3 Đường C1, Phường C, quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh do Văn phòng Thừa phát lại Quận 1 lập ngày 24/01/2024, ngày 19/03/2024, ngày 11/7/2024, ngày 07/8/2024, ngày 05/9/2024 đều thể hiện: “*không thấy bảng hiệu công ty, không thấy nhân viên làm việc, không có người nhận văn bản*”.

[8] Tại các biên bản về việc không thực hiện được việc giao văn bản và các biên bản niêm yết công khai tại địa chỉ Thôn A, xã M, huyện M1, tỉnh Bình Định do Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định lập ngày 20/03/2024, ngày 11/7/2024, 09/8/2024, 09/9/2024 thể hiện: Ông N không có ở nhà và không rõ thời gian trở về, không có người thân nhận văn bản tố tụng thay.

[9] Nhận thấy, việc tổng đạt văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp, Giấy triệu tập, Thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Tài chính ĐN và người đại diện theo pháp luật là ông Đặng Hồng N theo thủ tục niêm yết là đúng quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 178 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[10] Về xét xử vắng mặt bị đơn: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 27/02/2024, ngày 09/4/2024, ngày 11/6/2024, ngày 29/7/2024; đồng thời Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử ngày 28/8/2024, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử lần 2 ngày 26/9/2024 nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[11] Xác định nội dung tranh chấp theo nguyên đơn trình bày: vào ngày 27/11/2020, nguyên đơn và bị đơn đã ký kết Hợp đồng mua bán găng tay nitrile không bột số 14102020/HDMBGT/VINA/DN (gọi là Hợp đồng) có tổng giá trị là 480.000 Đô la Mỹ. Thực hiện hợp đồng này, bị đơn đã phát hành Hoá đơn số 27112020 để yêu cầu nguyên đơn thanh toán trước 50% giá trị của Hợp đồng và nguyên đơn đã chuyển khoản số tiền 240.000 Đô la Mỹ vào tài khoản ngân hàng của bị đơn theo lệnh chuyển tiền lập tại Ngân hàng TNHH R, Nhật Bản đề ngày 02/12/2020. Do bị đơn xác nhận đã sản xuất được 30% đơn hàng và cam kết sẽ giao hàng hoá cho nguyên đơn vào ngày 15/01/2021, đồng thời ngày 05/01/2021 bị đơn phát hành Hoá đơn số 05012021 để yêu cầu nguyên đơn thanh toán 50% giá trị còn lại của Hợp Đồng Mua Bán trước khi giao hàng,

nguyên đơn đã chuyển khoản 50% giá trị còn lại của Hợp đồng, tương đương số tiền 240.000 Đô la Mỹ vào tài khoản ngân hàng của bị đơn theo lệnh chuyển tiền lập tại Ngân hàng TNHH R, Nhật Bản đề ngày 08/01/2021;

[12] Ngoài ra, theo yêu cầu của bị đơn, nguyên đơn đã đặt dịch vụ kiểm tra chất lượng hàng hoá vào ngày 15/01/2021, tuy nhiên khi đại diện nguyên đơn đến cơ sở sản xuất của bị đơn để tiến hành quy trình kiểm tra chất lượng hàng hoá thì không có đại diện nào bên phía bị đơn đến hợp tác để tiến hành công việc. Do đó, nguyên đơn đã phải thanh toán toàn bộ “tiền phí kiểm định” cho đơn vị kiểm định được thuê là Công ty SGS số tiền là 1.366,75 Đô la Mỹ dù không thực hiện được việc kiểm tra hàng hoá trên thực tế.

[13] Đến ngày 09/02/2021, bị đơn đã gửi công văn đến nguyên đơn để thông báo về việc huỷ bỏ Hợp đồng mua bán với lý do vì giá của sản phẩm tăng cao và thời tiết ảnh hưởng đến quá trình sản xuất, dẫn đến việc bị đơn không thể giao hàng đúng thời hạn. Đồng thời, bị đơn cam kết hoàn trả lại số tiền 480.000 Đô la Mỹ mà nguyên đơn đã thanh toán cho bị đơn trong vòng 30 ngày kể từ ngày 23/02/2021, nhưng không thực hiện.

[14] Ngày 23/3/2021, tại trụ sở của bị đơn, các bên đã ký kết văn bản huỷ bỏ Hợp đồng mua bán có nội dung: bị đơn phải hoàn trả toàn bộ khoản nợ gốc trong vòng 48 giờ làm việc kể từ ngày ký kết Văn Bản Huỷ Bỏ; bị đơn cam kết hoàn trả lại phí kiểm định mà nguyên đơn đã thanh toán cho Công ty SGS. Nhưng sau đó bị đơn cũng không thực hiện thỏa thuận này.

[15] Xác định yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn: Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật đối với các yêu cầu buộc bị đơn phải hoàn trả khoản tiền nợ gốc theo Hợp Đồng Mua Bán là 480.000 Đô la Mỹ và tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả tiền (ngày 31/3/2021) đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất là 6,3%/năm.

[16] Các tài liệu do nguyên đơn cung cấp để chứng minh gồm: Hợp đồng Mua Bán găng tay số 14102020/HDMBGT/VINA/DN đề ngày 27/11/2020 giữa Công ty NP và Công ty ĐN; Hoá đơn số 27112020 đề ngày 27/11/2020, Hoá đơn số 05012021 đề ngày 05/01/2021 do Công ty ĐN phát hành; Lệnh chuyển tiền lập tại Ngân hàng TNHH R, Nhật Bản đề ngày 02/12/2020 và ngày 08/01/2021; Công văn đề ngày 23/02/2021 của Công ty ĐN, Công văn đề nghị thanh toán đề ngày 05/3/2021 của Công ty NP; Văn bản huỷ bỏ Hợp Đồng mua Bán đề ngày 23/3/2021 giữa Công ty ĐN và Công ty NP.

[17] Các tài liệu do nguyên đơn xuất trình (nêu tại đoạn [16]) bằng tiếng nước ngoài đã được dịch, chứng thực và hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định tại Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu này đã được Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa

giải cho đương sự vắng mặt, nên được xác định là chứng cứ vụ án theo quy định tại Điều 93, Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[18] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn không tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến cũng như đưa ra chứng cứ để chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[19] Ngày 26/9/2024, nguyên đơn có đơn rút yêu cầu bị đơn phải trả tiền phí kiểm định là 1.366,75 USD, do vậy căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phần yêu cầu đã rút.

[20] Xét yêu cầu hoàn trả khoản 480.000 Đôla Mỹ: Nhận thấy, lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với tài liệu chứng cứ đã nộp nên có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có giao kết với nhau theo hình thức Hợp đồng mua bán, hợp đồng có hình thức phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Thương mại, có nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực. Theo hợp đồng thì bị đơn bán, nguyên đơn mua hàng hóa là “găng tay” có thông số, quy cách theo chủng loại, số lượng được nêu cụ thể trong hợp đồng. Thời hạn thanh toán và giao hàng được quy định cụ thể trong hợp đồng. Nguyên đơn đã thanh toán tiền mua hàng cho bị đơn 02 lần theo 02 hoá đơn do bị đơn phát hành nhưng không được bị đơn giao hàng. Ngày 23/3/2021 nguyên đơn và bị đơn lập Văn bản hủy bỏ Hợp đồng theo đó bị đơn cam kết hoàn trả toàn bộ số tiền 480.000 Đôla Mỹ trong vòng 48 giờ làm việc kể từ ngày ký kết văn bản hủy bỏ. Tuy nhiên bị đơn không thực hiện cam kết này. Do vậy, xác định thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 480.000 Đôla Mỹ là từ ngày 26/3/2021. Như vậy, bị đơn vi phạm nghĩa vụ giao hàng theo hợp đồng và tiếp tục vi phạm nghĩa vụ hoàn trả tiền trong 1 khoảng thời gian dài làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải hoàn trả ngay số tiền 480.000 Đô la Mỹ là phù hợp nên được chấp nhận.

[21] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tiền lãi trên khoản tiền chậm trả:

[22] Nhận thấy, quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán được quy định tại Điều 306 của Luật thương mại như sau: “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lại trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp/ luật có quy định khác*”. Nguyên đơn cung cấp Vi bằng số 740/2024/VB-TPL ngày 30/8/2024 do Văn phòng Thừa phát lại Gia Định lập có thể hiện mức lãi suất cho vay USD được Ngân hàng Nhà nước công bố tại website: <https://www.sbv.gov.vn> vào tháng 8/2024 như sau: “Lãi suất cho vay: - Lãi suất USD: Lãi suất cho vay USD bình quân của NHTM trong nước đối với

các khoản vay mới và cũ còn dư nợ ở mức 4,1-5,0%/năm đối với ngắn hạn; 6,3-7,4%/năm đối với trung và dài hạn”. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu được tính mức lãi suất trung bình theo công bố của Ngân hàng Nhà nước là 6,83% trên thời gian chậm trả từ ngày 31/03/2021 đến ngày 26/9/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử tại đoạn [20] và của quy định của Điều 306 Luật Thương mại nên được chấp nhận. Số tiền lãi cụ thể được tính như sau: $480.000 \text{ USD} \times 6,83\% \times 1275/365 = 114.519 \text{ USD}$.

[23] Xét giao dịch bằng ngoại tệ của các đương sự: Nhận thấy việc thanh toán bằng ngoại tệ trong hợp đồng mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn và bị đơn là “giao dịch vãng lai” theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 4 Pháp lệnh ngoại hối. Đồng thời, theo quy định của Điều 6, Điều 7 pháp lệnh thì bị đơn là người cư trú tại Việt Nam được mua ngoại tệ tại tổ chức tín dụng để thanh toán (hoàn trả) tiền mua hàng cho nguyên đơn là người không cư trú tại Việt Nam. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền gốc và lãi bằng ngoại tệ hoặc quy đổi thành tiền đồng Việt Nam tương đương là phù hợp quy định của Pháp lệnh ngoại hối nên được chấp nhận.

[24] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền 594.519 USD quy đổi theo tỉ giá Vietcombank công bố ngày 26/9/2024 là 14.524.100.000 VNĐ, nên tiền án phí phải chịu là 122.524.100 đồng.

[25] Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 61.275.298 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí số AA/2022/0002402 ngày 29/9/2023 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 663, Điều 664 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27, Điều 27, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu của Công ty TNHH NP buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Tài chính ĐN phải trả tiền phí kiểm định là 1.366,75 USD.

Hậu quả của việc đình chỉ: Công ty TNHH NP được khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH NP: Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Tài chính ĐN phải trả cho Công ty TNHH NP số tiền 594.519 USD (trong đó tiền gốc là 480.000 USD và tiền lãi là 114.519 UDS).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH NP cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần Tập đoàn Tài chính ĐN còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tiền vay USD trung và dài hạn do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Tài chính ĐN phải chịu án phí là 112.154.000 đồng.

Hoàn lại cho Công ty TNHH NP số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 61.275.298 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí số AA/2022/0002402 ngày 29/9/2023 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Công ty TNHH NP, Công ty Cổ phần Tập đoàn Tài chính ĐN được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thanh Nhân

